TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2025
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hồng Nhung và ông Võ Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: KDC khóm B, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1986

Địa chỉ: KDC khóm B, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị H có mặt. Bị đơn anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phan Thị Thu H bày:

Chị với anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Sau khi cưới vợ chồng sống cũng hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người

phụ nữ khác, anh T năn nỉ và hứa chấm dứt vì con nên chị cố gắng bỏ qua tuy nhiên anh T vẫn lén lút qua lại. Ngoài ra anh T còn ăn nhậu say xỉn chửi bới, xúc phạm chị. Anh T còn mượn nợ nhiều người buộc chị phải đứng ra trả thay. Vào 7/2024, trong một lần mâu thuẫn cãi nhau chị đã quyết định chuyển về nhà cha mẹ ruột sống, hiện nay chị thuê nhà ở và chị với anh T cũng chính thức sống ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Thu H xin được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia H sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Trâm A sinh ngày 11/12/2008. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết chị H đồng ý để anh T trực tiếp nuôi cả hai con chung. Tại phiên tòa chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thành T: Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: bà Phan Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Gia H sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Trâm A sinh ngày 11/12/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Thành T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm B, thị trấn B, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Np, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 236 ngày 07/12/2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thu H, thấy: Trong quá trình sống chung giữa chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra anh T còn ăn nhậu say xỉn chửi bới, xúc phạm chị H. Anh T còn mượn nợ nhiều người buộc chị H phải đứng ra trả thay. Do không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị H đã quyết định sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Quá trình sống ly thân anh T cũng thường xuyên kiếm chuyên gây gổ đập phá đồ đạc làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị H. Do không còn tình cảm với anh T nên chị H cương quyết xin được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị H để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị

H và anh T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.3] Về quan hệ con chung, thấy: qua chứng cứ chị H cung cấp thì chị H và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Gia H sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Trâm A sinh ngày 11/12/2008. Tại "Tờ trình bày ý kiến" ngày 12/5/2025 cháu Trâm Anh và Gia Huy đều có mong muốn được sống với mẹ. Chị H cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Trong quá trình giải quyết, anh T cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến tranh chấp về phần con chung. Xét thấy, có đủ căn cứ để giao con chung Trâm A và Gia H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hồ không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là căn cứ.

[4] Về án phí: chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thành T

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Nguyễn Gia H sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Trâm A sinh ngày 11/12/2008 cho chị Phan Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Thành T cùng các thành viên gia

đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

- Về tài sản chungvà nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: chị Phan Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021702ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Thu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND TT. N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm